TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06/4/2018
"V/v *tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung giữa chị L, anh M"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Tụ

2. Bà Phạm Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hiền-Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 331/2017/TLST–HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993; đăng ký thường trú: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh B; nơi ở: Thôn 6, xã Q, huyện X, tỉnh H.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1991; đăng ký thường trú: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh B; hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh B.

(*Tại phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh M)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức M tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh B vào ngày 08/12/2015. Sau khi kết

hôn được ba ngày vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, tuy dàn xếp được nhưng trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc. Tháng 5/2016 vợ chồng mâu thuẫn, chị đã về gia đình bố mẹ đẻ ở tỉnh H ở và sinh con, một năm sau anh M vào xin lỗi và tìm chị về, vì thương con chị đã quay về đoàn tụ, nhưng được 04 tháng vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn. anh M đánh chị nên chị đã về quê ở H sinh sống từ tháng 10/2017 cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh M.

Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Đức H1 sinh ngày 06/7/2016. Khi Tòa án thụ lý vụ án anh M chưa bị bắt tạm giam, quan điểm của chị xin được nuôi dưỡng con chung nhưng nếu anh M không nhất trí giao con cho chị nuôi thì chị nhường quyền nuôi con cho anh M. Sau khi anh M bị bắt tạm giam không có điều kiện nuôi con, chị xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con.

Vợ chồng không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Đức M: Hiện tại anh M đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện P, Tòa án nhân dân huyện P đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án và lấy lời khai của anh M. Anh M khai về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống thống nhất với lời khai của chị L. Theo anh, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, tháng 5/2016 chị L tự ý bỏ về quê, anh đã tìm chị L về đoàn tụ, chị L quay về nhưng chung sống được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp. Từ cuối tháng 10/2017 chị L đã bỏ đi không ở gia đình anh nữa. Nay chị L xin ly hôn anh không đồng ý, anh muốn chị L suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, còn nếu chị L vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Anh M khai vợ chồng có một con chung như chị L đã khai, anh xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con.

Anh M khai vợ chồng không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh M đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh B về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn xin giải quyết vắng mặt, do đó Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đức

M; giao con chung Nguyễn Đức H1 sinh ngày 06/7/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con nên không đặt ra giải quyết; chị L và anh M đều khai vợ chồng không có tài sản chung nên không phải giải quyết; chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Đức M hiện đang bị tạm giam xin giải quyết vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện P tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đức M tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã C, huyện P cấp đăng ký kết hôn số 47/2015 ngày 08/12/2015 là hôn nhân hợp pháp. Chị L xin ly hôn vì trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và anh M đã đánh đuổi chị. Anh M cho rằng trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn lớn nhưng anh cũng xác định sau khi chị L bỏ về quê ở H, anh tìm về nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Xét thấy trong cuộc sống chung anh chị có mâu thuẫn, chị L đã về quê ở tỉnh H sống và sinh con, một năm sau anh M có tìm chị L về, mặc dù cả hai bên đã cố gắng quay lại đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được dẫn đến chị L đã bỏ về ở hẳn với bố mẹ đẻ ở tỉnh H từ tháng 10/2017 cho đến nay. Quan điểm của anh M xin đoàn tụ nhưng nếu chị L vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn anh cũng nhất trí, điều đó cho thấy mục đích của cuộc hôn nhân giữa anh chị không đạt được, cần xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh M là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Chị L và anh M có một con chung là cháu Nguyễn Đức H1 sinh ngày 06/7/2016, xét nguyện vọng của anh M xin được nuôi con chung là chính đáng, nhưng do con chung của anh chị chưa đủ ba tuổi, mặt khác hiện tại anh M đang bị tạm giam không có điều kiện chăm sóc con chung, vì vậy cần xử chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con chung của chị L, giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung, về cấp dưỡng cho con chị L không yêu cầu nên không giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản chung: Chị L và anh M đều khai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị L, anh M có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đức M.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức H1 sinh ngày 06/7/2016 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng cho con: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Đức M cấp dưỡng cho con, nên không giải quyết.

Anh Nguyễn Đức M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003515 ngày 26 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh B thành tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Đức M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện P;
- UBND xã C, huyện P;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Thị Hương Liên *(đã ký)*

- Lưu hồ sơ vụ án.